

Bản án số: 05/2018/DS-PT

Ngày 18-01-2018

V/v: *Tranh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**

Các Thẩm phán:

Ông Võ Văn Lập

Ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Quang Trung** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên
tòa:**

Ông Nguyễn Hồng Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại Phòng xét xử 01, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2017/TLPT-DS ngày 20/11/2017 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2017/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành L** – sinh năm 1963; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T** – sinh năm 1988. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim A** – sinh năm 1958; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông **Nguyễn Ngọc Anh V** – sinh năm 1984. Theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2016. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố B, phường P, TP. P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông **Lê Tấn H** – sinh năm 1962. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/01/2018. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố B1, phường T, TP. P, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị C – sinh năm 1963; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn H – sinh năm 1953; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1959; Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị E – sinh năm 1962; Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị C – sinh năm 1967; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

(Ông H, bà L, bà E, bà C cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2017).

- Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1971. Vắng mặt. Bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 18/9/2017 (BL 43).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Xuân Đ – sinh năm: 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Văn T - sinh năm: 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

5. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Anh V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Một phần thửa đất số 250 diện tích khoảng 250m² (nay là thửa 367 được tách ra từ thửa 250 có diện tích 253m²), thuộc tờ bản đồ số 17 thôn L, xã P là do vợ chồng ông Nguyễn Thành L và bà Đặng Thị C nhận sang nhượng lại của vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị L vào ngày 24/12/1979 với giá 30.000 đồng (ba mươi ngàn đồng), các bên có lập giấy viết tay “Giấy sang nhượng đất thổ” có hai bên ký, có ông Nguyễn X, ông Nguyễn M ký tên là người chứng kiến nhưng không có xác nhận hay chứng thực của chính quyền địa phương. “Giấy sang nhượng đất thổ” có một bản và giao cho ông Nguyễn Thành L giữ. Hiện ông Nguyễn X, ông Nguyễn M và vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị L đã chết. Ngoài ra các con của ông Nguyễn Văn bà Trần Thị L cũng biết việc sang nhượng này. Sau khi nhận sang nhượng đất vợ, chồng ông L, bà C có

trồng lúa, trồng dưa và trồng hành được khoảng 6 – 7 năm thì đất trồng vì do điều kiện nước tưới khó khăn.

Đến năm 2009, bà Nguyễn Thị Kim A là chị ruột của ông L, thấy thửa đất trên của ông L, bà C để trống nên bà A tự ý đến phát ranh cây bụi xung quanh, khi đó ông L, bà C thấy và có hỏi thì bà A trả lời chỉ phát cây để lấy củi nên ông L, bà C nói với bà A: Đây là đất của nhà ông, bà phát lấy củi thì phát chứ không được chiếm đất. Sau đó bà A sử dụng đất để cây, để củi và bà A nói chỉ chứa tạm nên vợ chồng ông L, bà C không có ý kiến gì. Năm 2014, ông L, bà C nghe thông tin ông Nguyễn Trần Anh T con bà A có ý định xây nhà trên đất nên vợ, chồng ông L, bà C có đến nhà bà A để ngăn cản và có làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã P và hiện tại Ủy ban nhân dân xã đã ngăn chặn không cho ông T con bà A xây dựng nhà trên đất. Vợ chồng ông L, bà C không sang nhượng cho bà A mà bà A tự ý đến chiếm đất. Vợ, chồng ông L, bà C yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A phải trả lại thửa đất số 367 có diện tích 253m² thuộc tờ bản đồ số 17 xã P.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Ngọc Anh V trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp nay là thửa 367, diện tích 253m², thuộc tờ bản đồ số 17, xã P là của vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị C. Năm 1989, do đám ruộng trên quá trũng, nước tưới tiêu thì không có nên vợ chồng ông L, bà C đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim A với giá là 100.000 đồng và bà A bù thêm cho ông Nguyễn Thành L khoảng 10 cây trụ lớn (trụ để trồng gừng giàn nho). Khi chuyển nhượng hai bên có lập “Giấy bán đất” có bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Thành L ký vào bên người bán và bên người mua, không có ai chứng kiến và cũng không được chính quyền địa phương xác nhận. Giấy bán đất được viết bằng tay do chính bà A viết 02 bản và giao mỗi bên giữ một bản. Hiện tại giấy bán đất trên bà A đã làm thất lạc do mùa lũ lụt vào năm 2010. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình bà A lấy đất ở các gò xung quanh để làm phẳng thửa đất, gia đình bà A tiếp tục lấp con mương kẻ bên thửa đất và lấy một phần đất của thửa đất số 248 của gia đình gần kề để làm cho thửa đất được vuông vắn. Khi cải tạo thửa đất trên thành hình vuông thì bà A bắt đầu trồng bầu, dưa, thanh long và cây me trên thửa đất. Khoảng năm 2010 – 2011 thì ông Trần Xuân T có khiếu nại bà A đến Ủy ban nhân dân xã P về việc để cành cây me và thanh long sà qua đất nhà ông T. Ủy ban nhân dân xã P có giải quyết và yêu cầu bà A phải chặt bỏ những phần cành cây me, xây thanh long xà qua đất của ông T. Từ lúc đó gia đình bà A trồng cỏ trên đất để giữ đất và dùng để chứa rơm cho bò ăn.

Tranh chấp giữa vợ, chồng ông L với bà A bắt đầu từ cuối năm 2014, vì lúc đó bà A đi làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã P yêu cầu bà A phải có giấy sang nhượng thửa đất. Bà A đến gặp ông L để làm lại Giấy xác nhận bán đất thì ông L không đồng ý và ông L làm đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân xã P về việc tranh chấp thửa đất trên. Nay

ông L khởi kiện bà A yêu cầu phải trả thửa đất trên cho vợ, chồng ông L thì bà A không đồng ý vì thửa đất trên ông L, bà C đã bán cho bà A. Nếu ông L tiếp tục duy trì hợp đồng theo Giấy bán đất với bà A vào năm 1989 (hiện đã thất lạc) để bà A làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà A sẽ đồng ý hỗ trợ lại cho ông L số tiền theo giá nhà nước quy định tương ứng với diện tích mà ông L bán cho bà A vào năm 1989 là khoảng 250m².

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị C trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

- Bà Nguyễn Thị T và cũng là người đại diện theo ủy quyền của các ông bà: Nguyễn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị C trình bày: diện tích đất đang tranh chấp giữa vợ chồng ông L bà C là của cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị L. Trước đây anh, chị em bà có cùng cha, mẹ bà canh tác trên đất. Sau đó, do thửa đất trên diện tích ít và cách xa nhà nên cha mẹ bà đã đồng ý chuyển nhượng cho ông L vào năm nào thì chị, em bà không nhớ và với giá bao nhiêu thì chị, em bà không biết. Nay xảy ra tranh chấp giữa ông L bà A đối với thửa đất trên thì anh, chị em bà không có ý kiến vì cha mẹ bà đã chuyển nhượng cho ông L nên anh, chị em bà không tranh chấp.

Tại bản án dân sự số 32/2017/DS-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 165, Điều 208; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 164, 165, 166, 579, 580, 583 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 9 Điều 12, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Các điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A giao trả lại một thửa đất số 250 nay thuộc thửa 367, diện tích 253m², thuộc tờ bản đồ số 17, xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải giao trả một phần thửa đất số 250 nay là thửa 367, diện tích 253m² cho vợ, chồng ông Nguyễn Thành L và bà Đặng Thị C. Vị trí thửa đất có tứ cận như sau: Bắc giáp nương nước và thửa đất số 248, Nam giáp đường, Đông giáp đường, Tây giáp thửa đất số 250.

- Vợ, chồng ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị C được quyền sử dụng thửa đất số 367, diện tích 253m² thuộc tờ bản đồ số 17 xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

- Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Kim A quản lý, sử dụng 45m² đất được xác định từ điểm số 1 đến điểm số 2 là 12,3m, từ điểm số 2 đến điểm số 3 là 7,4m, từ điểm số 3 đến điểm số 1 là 15,7m theo trích lục bản đồ địa chính ngày 06/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – Chi nhánh P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Ngày 11/10/2017, ông Nguyễn Ngọc Anh V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 32/2017/DS-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình bà Nguyễn Thị Kim A và buộc nguyên đơn trả lại phần đất gia đình bà A đã bỏ ra để khu đất được bằng phẳng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Anh V tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cho bị đơn được quyền quản lý sử dụng 253 m² đất đang tranh chấp.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.

[1] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*” là phù hợp pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: diện tích đất đang tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích là 253 m² thuộc thửa 367 (được tách ra từ thửa 250) thuộc tờ bản đồ địa chính số 17 xã P. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Kim A thừa nhận: diện tích đất đang tranh chấp là của vợ chồng nguyên đơn là ông Nguyễn Thành L bà Đặng Thị C là em trai và

em dâu của bà. Ông L, bà C đã chuyển nhượng diện tích đất này cho bà A vào năm 1989 có lập giấy bán đất, mỗi bên giữ một bản nhưng bị đơn đã làm thất lạc còn phía nguyên đơn là ông Nguyễn Thành L thì không thừa nhận đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim A.

[2.2] Tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Anh V trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp là do vợ chồng ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị C chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim A vào năm 1989 với giá là 100.000 đồng và bà A bù thêm 10 triệu lớn (BL 34, 60). Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông V khẳng định giá chuyển nhượng là 200.000 đồng và bù thêm 15 triệu lớn. Hai bên có lập giấy bán đất viết tay nhưng hiện tại giấy bán đất trên bà A đã làm thất lạc. Sau khi mua thửa đất trên gia đình bà A có cải tạo để làm phẳng thửa đất và lấy một phần đất của thửa đất số 248 khoảng 45m² của gia đình bà A liền kề để cho thửa đất được vuông. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày: ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị C đã chuyển nhượng cho bà vào năm 1985 với giá là 100.000 đồng và bù thêm 08 triệu lớn trị giá là 100.000 đồng. Tổng cộng là 200.000 đồng.

[2.3] Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã chuyển nhượng đất cho bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ là Giấy bán đất và cho rằng giấy này đã bị thất lạc. Diện tích đất đang tranh chấp liền kề với thửa đất số 248 của bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002, bị đơn cho rằng mình là người sử dụng đất từ trước năm 1990 nhưng không làm đơn yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với thửa 248 mà đến năm 2014 mới làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn trình bày về thời gian chuyển nhượng và giá chuyển nhượng không thống nhất, có nhiều mâu thuẫn.

[2.4] Các nhân chứng do bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập là ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Xuân Đ tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: *đất này do ông Nguyễn S khai phá sau đó vợ chồng ông Nguyễn Thành L tiếp tục sử dụng. Từ năm 1990 các ông thấy gia đình và Nguyễn Thị Kim A canh tác trên thửa đất và có cải tạo thửa đất.* Xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm phía bị đơn không có yêu cầu tính chi phí cải tạo đất và tại phiên tòa phúc thẩm cũng không cung cấp được số tiền chi phí cải tạo đất nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại phần đất gia đình bà A đã bỏ ra để khu đất được bằng phẳng là 45 m² đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Tại các Biên bản xác minh ngày 28/9/2017, ngày 02/01/2018 (BL 94A,127), cán bộ địa chính xã P có ý kiến: *diện tích đất tranh chấp khoảng 200 m² là một phần của thửa đất số 250, khi quy chủ thì không xác định được ai*

đang quản lý sử dụng nên trong sổ ghi UBND xã quản lý nhưng không thuộc trường hợp đất dự phòng hay đất công ích nên không bị thu hồi hay giải tỏa.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn ông Nguyễn Thành L đã nộp tạm ứng 1.250.000 đồng và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm chỉ tuyên trả lại cho nguyên đơn 200.000 đồng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên lại cho chính xác.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 165, 166, 579, 583 Bộ luật dân sự năm 2015. Các điều 12, 203 Luật đất đai năm 2013. Các điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim A trả lại một phần thửa đất số 250 nay là thửa 367, diện tích 253m², thuộc tờ bản đồ số 17 xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim A phải giao trả thửa đất số 367, diện tích 253m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 17 xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận cho vợ, chồng ông Nguyễn Thành L và bà Đặng Thị C. Vị trí thửa đất có tứ cận như sau: Bắc giáp con mương nước và thửa đất số 248, Nam giáp con đường, Đông giáp con đường, Tây giáp thửa đất số 250.

- Vợ, chồng ông Nguyễn Thành L, bà Đặng Thị C được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 367, diện tích 253m² thuộc tờ bản đồ số 17, xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận theo trích lục bản đồ địa chính ngày 06/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – Chi nhánh P.

- Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Kim A quản lý, sử dụng 45m² đất được xác định từ điểm số 1 đến điểm số 2 là 12,3m, từ điểm số 2 đến điểm số 3 là 7,4m, từ điểm số 3 đến điểm số 1 là 15,7m theo trích lục bản đồ địa chính ngày 06/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – Chi nhánh P.

Về án phí: Ông Nguyễn Thành L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông L 1.250.000 đồng tạm ứng án phí do ông Nguyễn Văn Q nộp thay theo biên lai thu tiền số 0010824 ngày 21/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 227.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí do ông Nguyễn Ngọc Anh V nộp thay theo Biên lai thu số 0014537 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(*Kèm theo trích lục bản đồ địa chính*)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu HS-AV, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(*đã ký*)

Ngô Thị Trang